CÁC CÂU HỎI VÀ ĐÁP VỀ SĪMĀ

(CƯƠNG GIỚI)

Những điểm đáng lưu ý về Sīmā: Ranh giới cho các Tăng sự

Tác giả: Trưởng lão Hòa thượng Tharamanaykyaw (Tharamanaykyaw Sayadaw)

Dịch giả Anh ngữ: Tỳ-kheo U Sobhana | Bản dịch Việt ngữ chuyên ngành Luật tạng

---

Q. Ý nghĩa của từ 'sīmā' là gì?

In the Pāḷi language, 'sīmā' có nghĩa là 'ranh giới' hay 'cương giới'. Tuy nhiên, trong Luật tạng (Vinaya), từ này đề cập đến một ranh giới được xác định mà trong phạm vi đó, các vị tỳ-kheo có thể thực hiện các Tăng sự (***saṅghakamma***).

Q. Ban đầu, tại sao Đức Phật lại cho phép biệt lập sīmā?

Đức Phật cho phép biệt lập sīmā để các vị tỳ-kheo sống trong một khu vực nhất định có thể cùng nhau tụng đọc Giới bổn (***Pāṭimokkha***) một cách hòa hợp.

Q. Tại sao 'sīmā' lại quan trọng?

Sīmā vô cùng quan trọng vì nếu không có sīmā, các pháp Tăng sự đúng luật pháp của Tăng chúng (***saṅghakamma***) như 'Thọ cụ túc giới' (***pabbajjā/upasampadā***), 'Bố-tát' (***uposatha***), 'Tự tứ' (***pavāraṇā***), và 'Thọ y Kaṭhina' không thể thực hiện được.

Q. Khi các tỳ-kheo đang thực hiện một Tăng sự trong sīmā, các tỳ-kheo khác hoặc những người chưa xuất gia có thể đến gần họ không?

Khi các vị tỳ-kheo tụ họp trong sīmā để thực hiện Tăng sự, những người như cư sĩ (vị lưu) và Sa-di không được đi vào phạm vi trong vòng hai hắc-tay (***hatthapāsa*** - khoảng cách hai tay) tính từ vị tỳ-kheo ngồi ngoài cùng.

- Nếu họ đi vào phạm vi này, mặc dù Tăng sự không bị vô hiệu, nhưng các vị tỳ-kheo sẽ phạm tội (tội lỗi).
- Hơn nữa, các vị tỳ-kheo khác cũng không được đứng/ngồi trong phạm vi sīmā ngoài khoảng cách hai hắc-tay từ vị tỳ-kheo ngoài cùng.
- Nếu có các vị tỳ-kheo ở bên trong sīmā vượt quá khoảng cách hai hắc-tay của vị tỳ-kheo ngoài cùng (mà không dự vào hội chúng), Tăng sự đó sẽ trở thành phi pháp (vô hiệu).

Q. Có bao nhiêu loại sīmā?

Tóm tắt lại, có hai loại sīmā:

1. **Kiết giới sīmā (*baddhasīmā*)**: Là ranh giới được một hội chúng từ bốn vị tỳ-kheo trở lên tác pháp kiết giới bằng cách tụng tuyên ngôn Tăng sự (***kammavācā***).
2. **Tự nhiên sīmā (*abaddhasīmā*)**: Là ranh giới vốn dĩ tự nhiên đã là một sīmā mà không cần phải được tác pháp kiết giới bằng cách tụng ***kammavācā***.

Có ba loại **Baddhasīmā** (Kiết giới sīmā):

- (i) Biệt giới (***khaṇḍasīmā*** - Sīmā một phần/Sīmā nhỏ).
- (ii) Đồng trụ giới (***samānasaṃvāsakasīmā*** - Sīmā đồng chung một hội chúng Bố-tát).
- (iii) Bất ly y giới (***avippavāsa*** - Sīmā không cách lìa ba y).

Có ba loại **Abaddhasīmā** (Tự nhiên sīmā):

- (i) Thôn giới (***gāmasīmā*** - Ranh giới làng/xã).
- (ii) Thủy giới (***udakukkhepasīmā*** - Sīmā khoảng nước tạt).
- (iii) Thất phạm-đạt-la giới (***sattabbhantara*** - Sīmā có khoảng cách 7 tầm trong rừng).

Q. Có nhất thiết phải tác pháp kiết giới (consecrate) một sīmā không?

Không nhất thiết. Bởi vì có hai loại sīmā: loại cần phải tác pháp kiết giới và loại tự nhiên không cần tác pháp.

Q. Tại sao cần phải tác pháp kiết giới một 'baddha-sīmā' trong khi ranh giới làng (thôn giới) và các nơi khác vốn đã là một sīmā?

Khi các vị tỳ-kheo thực hiện các Tăng sự, tất cả các vị tỳ-kheo hiện diện trong phạm vi sīmā đó đều phải vân tập lại một nơi thực hiện Tăng sự, bất kể sīmā đó lớn hay nhỏ.

- If có vị tỳ-kheo nào không thể đến dự, vị đó phải gửi sự đồng thuận (***chanda*** - dữ dục) cho Tăng sự đó.
- If vị đó không thể gửi sự đồng thuận, vị đó buộc phải đi ra khỏi ranh giới của sīmā đó.
- If có một vị tỳ-kheo như vậy (không gửi sự đồng thuận, không đến hội chúng, cũng không đi ra khỏi ranh giới sīmā), thì Tăng sự do chúng tỳ-kheo thực hiện sẽ trở nên vô hiệu (phi pháp).
- If trong ranh giới của một ngôi làng (***gāma-sīmā***) chỉ có một hoặc hai ngôi chùa, việc tụ họp tất cả tỳ-kheo về một nơi là điều khả thi.
- Tuy nhiên, nếu là một ngôi làng lớn (hoặc thành phố) có rất nhiều chùa, việc vân tập toàn bộ tỳ-kheo là điều bất khả thi.
- Hơn nữa, vì ranh giới thôn giới (***gāma-sīmā***) quá rộng lớn, việc ngăn một vị tỳ-kheo khác tình cờ đi vào ranh giới này trong lúc đang làm Tăng sự cũng là một việc không thể thực hiện được.

Q. Cần ít nhất bao nhiêu vị tỳ-kheo để tác pháp kiết giới một sīmā?

Phải có ít nhất là bốn vị tỳ-kheo đã thọ đại giới đầy đủ (Tỳ-kheo cụ túc).

Q. Loại sīmā nào là loại không cần tác pháp kiết giới?

Đó là ranh giới của một ngôi làng (***gāma***) bao gồm cả thị trấn và thành phố; ranh giới 7 tầm (***sattabbhantara***) trong một khu vực rừng không có người cư trú; và ranh giới khoảng nước tạt (***udakukkhepa***). Loại ***udakukkhepa-sīmā*** này còn được gọi là "Thủy giới" (Water sīmā).

Q. Tại sao cần phải làm thủ tục giải giới (bỏ sīmā cũ) khỏi một khu vực trước khi tác pháp kiết giới một sīmā mới?

Nếu một sīmā được kiết giới mà chạm vào ranh giới của một sīmā khác hoặc chồng lấn lên một sīmā khác, thì việc kiết giới đó hoàn toàn vô hiệu.

- Do đó, thủ tục 'giải giới' (***sīmā-samūhanana***) là bắt buộc để đảm bảo chắc chắn rằng không có một sīmā nào từng được kiết giới trước đó trong khu vực này.
- Nếu trong bất kỳ trường hợp nào có một sīmā cũ tồn tại bên dưới, việc này sẽ phạm phải lỗi 'Tạp giới' (***sīmāsaṅkāra*** - trộn lẫn các sīmā với nhau).

Q. Tại sao các tỳ-kheo phải đứng/ngồi tách rời nhau (không chạm vào nhau) khi tụng tuyên ngôn Tăng sự (kammavācā)?

Nếu các ngài chạm vào nhau, điều đó có thể dẫn đến lỗi 'Tạp giới' (***sīmāsaṅkāra***), làm lẫn lộn sīmā này với một sīmā khác.

Q. Kích thước của một sīmā nhỏ nhất là bao nhiêu?

Một sīmā hợp pháp nhỏ nhất phải có đủ không gian cho 21 vị tỳ-kheo ngồi. Một sīmā nhỏ hơn kích thước này được coi là không thành (phi pháp).

Q. Loại sīmā nào được coi là có kích thước phù hợp?

Việc kiết giới một sīmā được xem là thành công (thành tựu) nếu nó có đủ không gian cho 21 vị tỳ-kheo ngồi.

- Có nhiều loại Tăng sự khác nhau, và số lượng tỳ-kheo tối đa cần thiết cho một Tăng sự (như Tăng sự trục xuất hay giải tội) là 21 vị. Do đó, một sīmā phải đủ lớn để chứa được 21 vị tỳ-kheo. Nếu nhỏ hơn mức này, nó sẽ bị xếp vào loại 'sīmā quá nhỏ' và trở thành một sīmā lỗi hoặc vô hiệu.

Q. Cách tính kích thước của một sīmā nhỏ nhất như thế nào?

Không gian ngồi cho một vị tỳ-kheo là khoảng 2 bộ vuông (square feet).

- Do đó, yêu cầu tối thiểu cho một sīmā chuẩn là 21 ô, mỗi ô rộng 2 bộ vuông.
- Nếu tính toán chính xác, chúng ta sẽ có 3 hàng, mỗi hàng gồm 7 ô vuông.
- Kích thước này sẽ tương đương chiều dài 14 feet (khoảng 4.26m) và chiều rộng 6 feet (khoảng 1.82m).
- Đây là kích thước của sīmā nhỏ nhất. Người ta cũng có thể sắp xếp 21 ô vuông này theo các cách khác.

Q. Có thể làm sīmā hình vuông không?

Rất khó để tạo ra một không gian có chiều dài và chiều rộng bằng nhau (hình vuông) vừa khít cho đúng 21 người.

- Do đó, tốt hơn hết là tính toán diện tích cho 25 người, tức là 5 người theo chiều dài và 5 người theo chiều rộng.
- Theo cách này, người ta có thể đo được khoảng không gian tầm 10 bộ vuông mỗi chiều.

Q. Kích thước của một sīmā lớn nhất là bao nhiêu?

Nếu một sīmā được kiết giới trong một khu vực rộng 3 do-tuần (***yojana*** - khoảng 27 dặm hay 43km), thì đó là sīmā lớn nhất. Nếu kích thước vượt quá 3 do-tuần, nó bị xem là quá lớn (quá lượng) và bất thành.

Q. Ba sự thành tựu (sampatti) để kiết giới một sīmā thành công là gì?

Ba sự thành tựu đó bao gồm:

1. Thành tựu về mốc giới (**Nimitta-sampatti**: Biển báo/Dấu mốc giới hợp pháp).
2. Thành tựu về hội chúng (**Parisa-sampatti**: Hội chúng tỳ-kheo hợp pháp).
3. Thành tựu về bạt-mẫu (**Kammavācā-sampatti**: Tụng đọc tuyên ngôn Tăng sự đúng pháp).

Q. Những yếu tố nào làm cho một sīmā trở nên vô hiệu (bất thành)?

Có 11 yếu tố làm sīmā bất thành:

1. Sīmā quá nhỏ (***Atikhuddakā sīmā***).
2. Sīmā quá lớn (***Atimahatī sīmā***).
3. Sīmā bỏ sót mốc giới (***Nimittantari-katā sīmā***).
4. Sīmā dùng bóng râm làm mốc giới (***Chāyā-nimittā sīmā***).
5. Sīmā không có mốc giới (***Animittā sīmā***).
6. Sīmā được kiết bởi các vị tỳ-kheo đứng bên ngoài phạm vi sīmā đó (***Bahisīme ṭhitā sammanneyyuṃ***).
7. Sīmā kiết giới trên sông (***Nadiyā sīmā***).
8. Sīmā kiết giới trên biển (***Samudde sīmā***).
9. Sīmā kiết giới trên hồ tự nhiên (***Jātassare sīmā***).
10. Ranh giới của sīmā chạm vào một sīmā khác (***Sīmāya sīmaṃ sambhindeyyuṃ***).
11. Ranh giới của sīmā chồng lấn lên một sīmā khác (***Sīmāya sīmaṃ ajjhotthareyyuṃ***).

Q. Có thể tác pháp kiết giới một sīmā trên sông, biển, hoặc hồ tự nhiên không?

Không thể kiết giới trên sông, biển, và hồ tự nhiên.

Q. Có thể thực hiện các Tăng sự (saṅghakamma) trên sông, biển, hoặc hồ tự nhiên không?

Có, các Tăng sự hoàn toàn có thể thực hiện được trên sông, biển, hoặc hồ tự nhiên, bởi vì những khu vực này được xem là các "Sīmā tự nhiên" (***abaddhasīmā***) mà không cần đến việc tác pháp kiết giới.

Q. Có thể thực hiện các Tăng sự trên một hồ nước do con người tạo ra (hồ nhân tạo) không?

Không. Chỉ có hồ nước tự nhiên (***jātassara***) mới được coi là một tự nhiên sīmā. Thuật ngữ này chỉ các hồ nước hình thành do tự nhiên chứ không phải do con người đào đắp.

Q. Có thể dùng dòng nước đang chảy (nước lưu động) để làm mốc giới không?

Không thể. Chỉ có nước đứng yên (nước tĩnh) trong một ao, bể, ao tù hoặc bình chứa mới có thể dùng làm mốc giới, nước đang chảy thì không được.

Q. Có cần phải tạt nước thực tế để tạo ra một mốc ranh giới khi sử dụng Thủy giới 'udakukkhepa-sīmā' không?

Không cần. Khi các vị tỳ-kheo đi xuống nước, khu vực có kích thước bằng khoảng cách mà một người có vóc dáng trung bình có thể tạt nước hoặc ném cát đi xa sẽ tự động trở thành ranh giới của Thủy giới đó.

Q. Nước hoặc cát được tạt/ném đi như thế nào để tính khoảng cách?

Nước hoặc cát phải được hất/ném đi từ ngang hông mà không được giơ thẳng cánh tay lên cao.

Q. Có bao nhiêu loại vật thể phù hợp để dùng làm mốc giới (nimitta)?

Có 8 loại vật thể phù hợp để làm mốc giới chuẩn:

1. Núi (***Pabbato***)
2. Đá/Tảng đá (***Pāsāṇo***)
3. Rừng/Lùm cây (***Vanaṃ***)
4. Cây cổ thụ (***Rukkkho***)
5. Đường đi (***Maggo***)
6. Gò mối (***Vammīko***)
7. Sông (***Nadī***)
8. Nước (***Uda-kaṃ***)

Q. Việc tuyên bố các mốc giới của một sīmā nên được thực hiện theo trình tự nào?

Các mốc giới phải được xướng lên theo chiều kim đồng hồ qua các hướng, và mốc giới cuối cùng phải kết thúc tại chính hướng đã được tuyên bố đầu tiên.

- Ví dụ: Nếu việc xướng mốc giới bắt đầu từ hướng Đông, thì chu kỳ xướng mốc giới phải kết thúc bằng việc tuyên bố lại mốc giới ở hướng Đông một lần nữa.
- Phương pháp đối đáp như sau:

  Vị Luật sư (Bậc tinh thông Luật): *"Puratthimāya disāya kiṃ nimittaṃ?"* (Bạch Đại đức, cái gì là mốc giới
  ở hướng Đông?)

  Người đứng mốc giới: *"Pabbato bhante"* (Bạch Ngài, đó là ngọn núi!)

  Vị Luật sư: *"Eso pabbato nimittaṃ"* (Ngọn núi này là mốc giới).

Q. Việc hỏi đáp giữa vị Luật sư và người đứng mốc giới cần thực hiện bao nhiêu lần cho mỗi hướng?

Chỉ cần một lần là đủ hợp luật. Tuy nhiên, một số trú xứ thực hiện điều này ba lần.

Q. Vị Luật sư và người đứng mốc giới có bắt buộc phải là tỳ-kheo không?

Vị Luật sư xướng giới bắt buộc phải là một tỳ-kheo, nhưng người đứng ở vị trí mốc giới để trả lời có thể là một tỳ-kheo hoặc một người chưa xuất gia (cư sĩ).

Q. Có bắt buộc phải dùng ngôn ngữ Pāḷi khi chỉ định các mốc giới không?

Không bắt buộc. Người ta có thể dùng tiếng Miến Điện, tiếng Việt hoặc bất kỳ ngôn ngữ nào khác phù hợp với địa phương.

Q. Nên sử dụng bao nhiêu mốc giới cho một sīmā?

Sử dụng một hoặc hai mốc giới là không hợp cách (bất thành); phải sử dụng nhiều hơn số đó (ít nhất từ ba mốc giới trở lên để tạo thành một hình khép kín).

Q. Ý nghĩa của từ 'pāsāda' trong luật là gì?

Từ 'pāsāda' dùng để chỉ một tòa nhà cao tầng, có ít nhất từ hai tầng trở lên.

Q. Có thể kiết giới một sīmā chỉ riêng trên tầng lầu tòa nhà không?

Có, hoàn toàn có thể. Nếu tòa nhà có nhiều tầng, người ta có thể chỉ kiết giới riêng cho một tầng cụ thể.

Q. Tên gọi bằng tiếng Pāḷi của loại sīmā được kiết trên tầng lầu là gì?

Gọi là ***Uparipāsāda-sīmā*** (Thượng lâu giới / Sīmā tầng trên).

Q. Những điểm quan trọng cần lưu ý khi kiết giới một sīmā trên tầng lầu là gì?

Có ba điểm quan trọng cần lưu ý:

1. Các bức tường của tòa nhà không được tính làm 'mốc giới' (***nimitta***). Các vật mốc giới như đá phải được đặt lùi vào trong, cách rời khỏi bức tường.
2. Không gian bên trong phải đủ rộng để ít nhất 21 vị tỳ-kheo có thể ngồi trong khoảng cách hai hắc-tay kết nối liên tục với nhau.

Q. Khoảng cách phù hợp giữa bức tường và các viên đá mốc giới là bao nhiêu?

Các mốc giới nên được đặt lùi vào trong cách tường khoảng sáu ngón tay hoặc một bộ (khoảng 30cm).

Q. Có cần phải làm thủ tục giải giới (bỏ sīmā cũ) nếu kiết giới một sīmā trên tầng lầu của tòa nhà không?

Không, điều đó là không cần thiết.

Q. Trong trường hợp nào thì một sīmā được kiết ở tầng lầu sẽ khiến cho tầng trệt (tầng dưới) cũng tự động biến thành sīmā?

Nếu bốn bức tường bên trong khu vực được chỉ định ở tầng dưới xây thẳng đứng liên tục, thông suốt liền mạch với tầng lầu, đồng thời diện tích ở tầng dưới cũng đủ lớn cho 21 người ngồi, thì tầng dưới đó cũng tự động trở thành sīmā.

Q. Loại sīmā nào được gọi là 'visuṃgāma' (Biệt thôn giới / Khoảnh đất riêng)?

Nếu nhà vua hoặc chính phủ sắc phong một khoảng không gian bên trong một ngôi làng thành một khu vực biệt lập với các quy chế đặc biệt (trong lịch sử, đây thường là vùng đất miễn thuế được ban tặng cho một cá nhân), khu vực này tự động trở thành một 'Biệt thôn giới sīmā'. Điều này có nghĩa là nếu ngôi làng lớn thuộc quyền quản lý của một cơ quan này, thì khu 'biệt thôn' này thuộc quyền sở hữu của một chủ thể khác.

Q. Sự khác biệt giữa 'gāma-sīmā' (Thôn giới/Địa giới làng) và 'visuṃgāma' (Biệt thôn giới) là gì?

Visuṃgāma là một khu vực nằm bên trong một ***gāmasīmā***, vốn dĩ tự bản chất nó đã là một sīmā tự nhiên mà không cần phải thực hiện tác pháp kiết giới.

- Vùng đất làng thuộc quyền quản lý hợp pháp của một đơn vị hành chính được gọi là *'gāmakhetta'*. Ở đây, thuật ngữ 'làng' (***gāma***) cũng áp dụng cho cả thị trấn hoặc thành phố được luật pháp của nhà vua hoặc chính phủ công nhận.

Q. Loại sīmā nào được gọi là 'Kiết giới' (baddha-sīmā)?

Đó là một sīmā được thiết lập một cách chính thức nhờ vào việc hội chúng từ bốn vị tỳ-kheo trở lên cùng tụng đọc tuyên ngôn Tăng sự (***kammavācā***). Loại sīmā này có một ranh giới cố định.

Q. Loại sīmā nào được gọi là 'Không kiết giới' (abaddha-sīmā)?

Đó là một sīmā không được thiết lập bằng nghi thức tụng hành sự (***kammavācā***) bởi một chúng bốn vị tỳ-kheo.

- Có ba loại ***abaddha-sīmā***: Thôn giới (làng mạc), khu vực không có người ở có bán kính 7 tầm (***sattabbhantara***) xung quanh, và giới khoảng nước tạt (***udakukkhepa***) bao gồm cả sông, biển và hồ tự nhiên.
- Một tầm (***abbhantara***) bằng 28 hắc-tay. Do đó, 7 tầm sẽ tương đương với 392 hắc-tay.
- Sīmā "khoảng nước tạt" được gọi như vậy vì phạm vi của nó được giới hạn bằng tầm hất nước hoặc ném cát.

Q. Đại giới (Mahā-sīmā) là gì và Biệt giới (khaṇḍa-sīmā) là gì?

Một vùng không gian rộng lớn bao trọn toàn bộ khuôn viên của một ngôi tu viện thì được gọi là Đại giới (***Mahāsīmā***).

- Một sīmā nhỏ được kiết giới nằm lọt bên trong một Đại giới thì được gọi là Biệt giới (***khaṇḍa-sīmā***). Việc thực hiện các Tăng sự (***saṅghakamma***) trong một khu vực quá rộng lớn with rất nhiều tỳ-kheo đang cư ngụ có thể gặp nhiều khó khăn (vì phải tập hợp tất cả lại).
- Do đó, để tạo điều kiện thuận lợi cho các Tăng sự, một biệt giới (***khaṇḍa-sīmā***) có kích thước nhỏ hơn sẽ được kiết giới bên trong.
- Trong biệt giới này, các Tăng sự có thể diễn ra mà không bắt buộc tất cả các vị tỳ-kheo đang trú ngụ trong Đại giới phải có mặt.

Q. Đại giới (Mahāsīmā) và Biệt giới (Khaṇḍa-sīmā) được kiết giới theo trình tự nào?

Đầu tiên, biệt giới (***khaṇḍa-sīmā***) phải được tác pháp kiết giới trước. Sau đó, người ta chừa ra một khoảng không gian đệm bên ngoài ranh giới của biệt giới rồi mới tiến hành kiết giới Đại giới (***Mahāsīmā***) bao quanh.

Q. Ý nghĩa của 'Khoảng giới sai' (sīmantarikā - khoảng đệm giữa các sīmā) là gì?

Khoảng không gian được giữ lại nằm bên ngoài các mốc giới của một sīmā đã kiết giới được gọi là 'Khoảng giới sai'. Đây là vùng đất hoàn toàn trống rỗng không thuộc về bất kỳ sīmā nào (đã được làm sạch nhờ thủ tục giải giới), nhưng cũng không được đưa vào phạm vi của sīmā mới kiết giới.

Q. Kích thước của 'Khoảng giới sai' nên rộng bao nhiêu?

Luật khuyên nên giữ một khoảng cách ít nhất là một hắc-tay (khoảng 1 gang tay rưỡi đến 2 gang tay).

Q. Tại một số sīmā, người ta đặt các mốc giới bên trong và mốc giới bên ngoài. Chúng là gì?

Để phân định rõ ràng Khoảng giới sai (***sīmantarikā***), các mốc giới phụ được đặt ngay phía sau các mốc giới chính của sīmā nhằm biểu thị rõ rằng khu vực đệm đó không phải là sīmā.

Q. Tại sao cần phải kiết giới một baddha-sīmā bên trong một khu đất biệt thôn giới (visuṃgāma-sīmā)?

Khu đất biệt thôn giới (***visuṃgāma***) có thể bị nhà vua hoặc chính phủ thu hồi lại bất cứ lúc nào. Do đó, việc tác pháp kiết một ***baddha-sīmā*** (kiết giới cố định của Tăng) là cần thiết để giữ vững chủ quyền Tăng sự lâu dài.

Q. Loại sīmā nào được gọi là 'Đồng trụ giới' (samānasaṃvāsaka)?

Khi một ***baddha-sīmā*** được kiết giới, đoạn tụng hành sự ***kammavācā*** đầu tiên là nhằm thiết lập một 'Khu vực đồng chung một hội chúng'. Các vị tỳ-kheo sống trong đó có thể cùng nhau thực hiện các Tăng sự. Do đó, một ***baddha-sīmā*** còn được gọi là ***samānasaṃvāsaka-sīmā***.

Q. Loại sīmā nào được gọi là 'Bất ly y giới' (avippavāsa)?

Ngay sau khi kiết giới xong sīmā 'Đồng trụ giới', đoạn tụng hành sự ***kammavācā*** tiếp theo được thực hiện để thiết lập sīmā 'Bất ly y giới'. Tại đây, các vị tỳ-kheo có thể ngủ đêm tách biệt khỏi ba tấm y (***ticīvara***) mà mình đã nguyện giữ gìn mà không bị phạm tội.

Q. Tại sao 'Bất ly y giới' lại được kiết giới ngay sau khi kiết xong 'Đồng trụ giới'?

Việc này nhằm đảm bảo rằng sīmā 'Đồng trụ giới' không thể bị phá hỏng hay tự động giải thể, vì nó đã được bao bọc và bảo vệ bởi sīmā 'Bất ly y giới'.

Q. Khi làm thủ tục giải giới (xóa sīmā), loại sīmā nào phải được giải trừ trước?

Sīmā 'Bất ly y giới' (***avippavāsa***) phải được tụng giải trừ trước khi tiến hành giải trừ sīmā 'Đồng trụ giới' (***samānasaṃvāsaka***).

Q. Tăng sự được thực hiện như thế nào trong một 'Thôn giới' (gāmakhetta sīmā)?

Nếu có những vị tỳ-kheo trong khu vực làng đó không thể đến tham dự hội chúng, các ngài phải đi vào ở hẳn bên trong một sīmā đã được kiết giới sẵn từ trước.

- Hoặc các ngài có thể đi ra giữa sông, biển, hoặc hồ tự nhiên trong vùng đó, những nơi được tính là sīmā tự nhiên.
- Nếu không thể làm theo các cách trên, các ngài bắt buộc phải đi đến địa điểm nơi Tăng sự đang diễn ra và đứng/ngồi trong phạm vi hai hắc-tay (***hatthapāsa***) kết nối với hội chúng tỳ-kheo.
- Hoặc một cách khác là các ngài phải gửi sự đồng thuận (***chanda***) của mình đến cho hội chúng.

Q. Khoảng cách của một hắc-tay (hatthapāsa) được tính như thế nào?

Đó là khoảng không gian mà tay có thể với tới được, xấp xỉ bằng hai hắc-tay (khoảng 1 mét trở lại).

Q. Các Tăng sự có bị vô hiệu nếu có một đường dây điện kéo từ bên ngoài ranh giới đi vào bên trong sīmā không?

Một số bậc Thầy (Luật sư) quan niệm rằng nếu dây điện kéo dài liên tục từ một ***baddha-sīmā*** này sang một ***baddha-sīmā*** khác, nó sẽ tạo ra lỗi 'Tạp giới' (***sīmāsaṅkāra***), nghĩa là làm ranh giới của các sīmā bị trộn lẫn. Vì vậy, các ngài thường ngắt hoặc tháo đường dây điện trước khi làm Tăng sự.

- Tuy nhiên, các vị Luật sư khác lại lập luận rằng việc này không hề gây ra lỗi ***sīmāsaṅkāra***. Quan điểm này được củng cố bởi một câu chú giải trong bộ luận *Vimativinodanī-ṭīkā*, nói rằng chỉ có cành cây (vật hữu cơ sống liên kết) mới có thể tạo ra lỗi ***sīmāsaṅkāra***. Tương tự, trong Thủy giới (***udakukkhepa-sīmā***), luật cũng chỉ nêu rằng sợi dây thừng buộc vào chiếc thuyền làm Tăng sự không được phép buộc nối trực tiếp vào đất
liền (vốn thuộc về thôn giới).

Q. Có xảy ra lỗi 'Tạp giới' (sīmāsaṅkāra) không nếu có rễ cây hoặc các vật thể khác nằm dưới lòng đất đâm xuyên từ bên ngoài vào chạm tới baddhasīmā?

Không. Các vật thể nằm sâu dưới lòng đất (***bhumigatika***) không tạo ra lỗi ***sīmāsaṅkāra***. Chỉ có những vật thể kết nối lộ trên mặt đất mới có khả năng tạo ra lỗi ***sīmāsaṅkāra***.

Q. Các vị tỳ-kheo có thể đứng từ bên ngoài các mốc giới để tụng tuyên ngôn Tăng sự (kammavācā) kiết giới sīmā được không?

Hoàn toàn không được.

Q. Có thể sử dụng các loại mốc giới (nimitta) khác nhau (ví dụ vừa dùng đá vừa dùng cây) trong cùng một sīmā không?

Có thể.

Q. Có bao nhiêu cách để một sīmā bị hủy bỏ (giải giới)?

Có hai cách: Cách thứ nhất là do các vị tỳ-kheo chủ động tụng kinh giải giới bằng một Tăng sự chính thức. Cách thứ hai là tự động biến mất khi Giáo pháp của Đức Phật (***Buddhasāsana***) diệt tận.

CÁC PHỤ LỤC (APPENDIX)

Phụ lục (i): Nghi thức xướng định các mốc giới (Nimitta)

Vị Luật sư: *"Puratthimāya disāya kiṃ nimittaṃ?"* (Bạch Đại đức, cái gì là mốc giới ở hướng Đông?)

Người đứng mốc: *"Pabbato bhante."* (Bạch Ngài, đó là ngọn núi.)

Vị Luật sư: *"Eso pabbato nimittaṃ."* (Ngọn núi này chính là mốc giới.)

(Thủ tục này phải được lặp lại tương tự cho từng hướng theo vòng tròn và kết thúc bằng việc xướng định lại mốc giới đầu tiên một lần nữa để khép kín).

Phụ lục (ii): Tuyên ngôn Tăng sự (Kammavācā) để Giải giới

Trước tiên, sīmā 'Bất ly y giới' phải được giải trừ trước. Sau đó mới giải trừ sīmā 'Đồng trụ giới'. Đoạn tuyên ngôn hành sự để giải trừ 'Bất ly y giới' như sau:

> ''Suṇātu me, bhante, saṅgho. Yo so saṅghena ticīvarena avippavāso sammato, yadi saṅghassa pattakallaṃ, saṅgho taṃ ticīvarena avippavāsaṃ samūhaneyya. Esā ñatti.
>
> Suṇātu me, bhante, saṅgho. Yo so saṅghena ticīvarena avippavāso sammato, saṅgho taṃ ticīvarena avippavāsaṃ samūhanati. Yassāyasmato khamati etassa ticīvarena avippavāsassa samugghāto, so tuṇhassa; yassa nakkhamati, so bhāseyya. Samūhato so saṅghena ticīvarena avippavāso. Khamati saṅghassa, tasmā tuṇhī, evametaṃ dhārayāmī''ti.

Bản dịch ý: "Bạch Đại đức Tăng, xin Tăng chúng hãy nghe tôi. Sự không cách biệt ba y nào đã được Tăng thuận tình quy định, nếu thời điểm đã đến bực bộc lộ sự sẵn sàng của Tăng, Tăng hãy giải trừ sự không cách biệt ba y ấy. Đây là lời tuyên cáo.
Bạch Đại đức Tăng, xin Tăng chúng hãy nghe tôi. Sự không cách biệt ba y nào đã được Tăng thuận tình quy định, nay Tăng giải trừ sự không cách biệt ba y ấy. Việc giải trừ sự không cách biệt ba y này được vừa ý bậc thượng tọa đại đức nào, vị ấy hãy giữ im lặng; vị nào không vừa ý, hãy nói lên. Sự không cách biệt ba y đã được Tăng giải trừ xong. Việc này vừa ý Tăng chúng, do đó các ngài im lặng; tôi ghi nhận sự việc là như vậy".

Đoạn tuyên ngôn hành sự để giải trừ sīmā 'Đồng trụ giới' (Cộng cư giới):

> ''Suṇātu me, bhante, saṅgho. Yā sā saṅghena sīmā sammatā samānasaṃvāsā ekuposathā, y
>
> Suṇātu me, bhante, saṅgho. Yā sā saṅghena sīmā sammatā samānasaṃvāsā ekuposathā, saṅgho

> sā sīmā saṅghena samānasaṃvāsā ekuposathā. Khamati saṅghassa, tasmā tuṇhī, evametaṃ

Bản dịch ý: "Bạch Đại đức Tăng, xin Tăng chúng hãy nghe tôi. Ranh giới nào đồng chung một trú xứ, chung một lễ Bố-tát đã được Tăng thuận tình quy định; nếu thời điểm đã đến bực bộc lộ sự sẵn sàng của Tăng, Tăng hãy giải trừ ranh giới đồng chung một trú xứ và chung một lễ Bố-tát ấy. Đây là lời tuyên cáo.
Bạch Đại đức Tăng, xin Tăng chúng hãy nghe tôi. Ranh giới nào đồng chung một trú xứ, chung một lễ Bố-tát đã được Tăng thuận tình quy định, nay Tăng giải trừ ranh giới đồng chung một trú xứ và chung một lễ Bố-tát ấy. Việc giải trừ ranh giới đồng chung một trú xứ và chung một lễ Bố-tát này được vừa ý bậc thượng tọa đại đức nào, vị ấy hãy giữ im lặng; vị nào không vừa ý, hãy nói lên. Ranh giới đồng chung một trú xứ và chung một lễ Bố-tát này đã được Tăng giải trừ xong. Việc này vừa ý Tăng chúng, do đó các ngài im lặng; tôi ghi nhận sự việc là như vậy".

Phụ lục (iii): Tuyên ngôn Tăng sự (Kammavācā) để Kiết giới Sīmā

Trước tiên, sīmā 'Đồng trụ giới' phải được kiết giới bằng cách tụng đoạn kammavācā sau:

> ''Suṇātu me, bhante, saṅgho. Yāvatā samantā nimittā kittitā. Yadi saṅghassa pattakallaṃ, saṅgho
>
> Suṇātu me, bhante, saṅgho. Yāvatā samantā nimittā kittitā. Saṅgho etehi nimittehi sīmaṃ samma

Bản dịch ý: "Bạch Đại đức Tăng, xin Tăng chúng hãy nghe tôi. Các mốc giới xung quanh đã được tuyên bố đầy đủ. Nếu thời điểm đã đến bực bộc lộ sự sẵn sàng của Tăng, Tăng hãy thuận tình quy định ranh giới đồng chung một trú xứ, chung một lễ Bố-tát bên trong các mốc giới này. Đây là lời tuyên cáo.
Bạch Đại đức Tăng, xin Tăng chúng hãy nghe tôi. Các mốc giới xung quanh đã được tuyên bố đầy đủ, nay Tăng thuận tình quy định ranh giới đồng chung một trú xứ, chung một lễ Bố-tát bên trong các mốc giới này. Việc thuận tình quy định ranh giới đồng chung một trú xứ, chung một lễ Bố-tát bên trong các mốc giới này được vừa ý bậc thượng tọa đại đức nào, vị ấy hãy giữ im lặng; vị nào không vừa ý, hãy nói lên. Ranh giới đồng chung một trú xứ, chung một lễ Bố-tát bên trong các mốc giới này đã được Tăng thuận tình quy định xong. Việc này vừa ý Tăng
chúng, do đó các ngài im lặng; tôi ghi nhận sự việc là như vậy".

Sau khi kiết giới xong sīmā 'Đồng trụ giới', tiếp tục kiết giới sīmā 'Bất ly y giới':

> ''Suṇātu me, bhante, saṅgho. Yā sā saṅghena sīmā sammatā samānasaṃvāsā ekuposathā, ya
>
> Suṇātu me, bhante, saṅgho. Yā sā saṅghena sīmā sammatā samānasaṃvāsā ekuposathā, saṅgho
> ticīvarena avippavāsā. Khamati saṅghassa, tasmā tuṇhī, evametaṃ dhārayāmī''ti.

Bản dịch ý: "Bạch Đại đức Tăng, xin Tăng chúng hãy nghe tôi. Ranh giới nào đồng chung một trú xứ, chung một lễ Bố-tát đã được Tăng thuận tình quy định; nếu thời điểm đã đến bực bộc lộ sự sẵn sàng của Tăng, Tăng hãy thuận
tình quy định ranh giới ấy làm nơi không cách biệt với ba y. Đây là lời tuyên cáo.
Bạch Đại đức Tăng, xin Tăng chúng hãy nghe tôi. Ranh giới nào đồng chung một trú xứ, chung một lễ Bố-tát đã được Tăng thuận tình quy định, nay Tăng thuận tình quy định ranh giới ấy làm nơi không cách biệt với ba y. Việc thuận tình quy định ranh giới ấy làm nơi không cách biệt với ba y được vừa ý bậc thượng tọa đại đức nào, vị ấy hãy giữ im lặng; vị nào không vừa ý, hãy nói lên. Ranh giới ấy làm nơi không cách biệt với ba y đã được Tăng thuận
tình quy định xong. Việc này vừa ý Tăng chúng, do đó các ngài im lặng; tôi ghi nhận sự việc là như vậy".

Thư mục tài liệu tham khảo (References):

1. Đại Phẩm Luật Tạng Pāḷi (*Mahāvagga Pāḷi*).
2. Chú giải Đại Phẩm (*Mahāvagga Aṭṭhakathā*) của Ngài Trưởng lão đệ nhất luận sư Buddhaghosa.
3. Luận thư *Vimativinodanī-ṭīkā* của Ngài Kassapa xứ Coḷaraṭṭha.
4. Sách *Vinaya-mahāvagga Bhāsāṭīkā*, Tập 1, tác giả Trưởng lão Hòa thượng Janakābhivaṃsa.
5. Các bài giảng về Sīmā (*Teachings on Sīmā*), tác giả Trưởng lão Hòa thượng Mahāsi Sayadaw.
6. Các bài giảng về Sīmā của Ngài Trưởng lão Hòa thượng Mahāgandhāyon Sayadaw, biên soạn bởi Ngài Trưởng lão Hòa thượng Tharmanaykyaw Sayadaw.
7. Loạt bài giảng về Giới Đàn (*Lectures on Sīmā*), tác giả Trưởng lão Hòa thượng Sīlānanda.